TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NGẠN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bản án số: 33/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 07/9/2017
V/v Tranh chấp hôn nhân gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Việt Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Bà Lý Thị Liên.

2.Bà Vũ Thị Mai.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Lê Văn Khiết - Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn tham gia phiên toà: Ông Đào Duy Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 202/2017/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2017 về việc tranh chấp "Hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn: Anh Nguyễn Trường S- Sinh năm 1974. Có mặt.*

- Nơi cư trú: Cục CT - Quân Đoàn X- huyện LG - tỉnh Bắc Giang.

** Bị đơn: Chị Ngô Thị Hương T - Sinh năm 1981. Có mặt.*

- Nơi cư trú: Khu M - thị trấn C – huyện LN – tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa thì nội dung vụ án như sau:

Anh Nguyễn Trường S và chị Ngô Thị Hương T kết hôn với nhau vào ngày 04/9/2002(dương lịch). Trước khi kết hôn hai có được tự do tìm hiểu và tự nguyện

kết hôn, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo đúng phong tục địa phương, có đi đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C – huyện LN – tỉnh Bắc Giang. Sau ngày cưới vợ chồng về chung sống cùng nhau ngay tại khu M - thị trấn C – huyện LN – tỉnh Bắc Giang, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh phúc.

Đến năm 2010 thì anh S và chị T phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo anh S là do quá trình chung sống, tính cách, lối sống không hợp nhau nên vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 01 năm 2017 đến nay, không ai quan tâm đến ai nữa. Tại phiên tòa anh S vẫn đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh S và chị T có 02 con chung, con lớn Nguyễn Thị Huyền Tr - Sinh ngày 23/3/2003, con nhỏ là Nguyễn Nhật A, sinh ngày 04/02/2009. Hiện nay hai cháu đang sống cùng chị T. Vợ chồng ly hôn, anh S có nguyện vọng được nuôi con nhỏ là Nguyễn Nhật A. Trường hợp chị T kiên quyết nhận chăm sóc nuôi dưỡng cả hai con thì anh cũng đồng ý. Việc cấp dưỡng nuôi con anh đề nghị được cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000 đồng/1 tháng/ 02 con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh S xác định vợ chồng có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 28/7/2017 và biên bản lấy lời khai ngày 31/7/2017 của chị Ngô Thị Hương T xác định: Chị và anh Nguyễn Trường S kết hôn với nhau từ 04/9/2002, được đăng ký kết hôn và chung sống với nhau như anh S trình bày là đúng nhưng chị T xác định vợ chồng không có mâu thuẫn gì, trong khoảng thời gian anh S đi học thì mẹ anh S bị ốm nên anh S phải về chăm sóc mẹ và ít có thời gian lên thăm vợ con. Nay anh S đề nghị được ly hôn với chị, chị không nhất trí.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 02 con chung, con lớn Nguyễn Thị Huyền Tr - Sinh ngày 23/3/2003, con nhỏ là Nguyễn Nhật A, sinh ngày 04/02/2009. Hiện nay hai cháu đang sống cùng chị. Vợ chồng ly hôn nhau, chị T có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung để cho các con có điều kiện ổn định việc học tập. Chị đề nghị anh S phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi 02 con chung với mức 2.000.000 đồng/ 01 tháng/ 01 con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị T xác định vợ chồng có tài sản chung là 01 mảnh đất tại khu M - thị trấn C nhưng đề nghị tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 31/7/2017 và ngày 21/8/2017 của cháu Nguyễn Nhật A và cháu Nguyễn Thị Huyền Tr đều thể hiện các cháu mong muốn bố mẹ đoàn tụ với nhau. Trong trường hợp bố mẹ ly hôn thì đều có nguyện vọng được ở cùng với cả bố và mẹ.

Tại phiên toà Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng của Toà án trong quá trình thụ lý cũng như giải quyết vụ án.

Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, tại phiên Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tộ tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28; điều 35; điều 56; Điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình; điều 28; điều 35; điều 227; 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Cho anh S và chị T được ly hôn.

Về con chung: Giao cho chị Ngô thị Hương T chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung là cháu Nguyễn Thị Huyền Tr, sinh ngày 23/3/2003. Và cháu Nguyễn Nhật A, sinh ngày 04/02/2009. Anh S phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi 02 con chung cùng chị T là 2.000.000 đồng/1tháng/1 con. Sau khi ly hôn anh S được quyền đi lại thăm nuôi con chung không ai được cản trở.

Tài sản chung và công nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

Án phí: Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. điều 6, điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Anh Nguyễn Trường S phải chịu án phí dân sự thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Anh Nguyễn Trường S và chị Ngô Thị Hương T kết hôn với nhau vào ngày 04/9/2002. Có đi đăng ký kết hôn, sau ngày cưới vợ chồng về chung sống cùng nhau ngay, do vậy cần xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh S, Hội đồng xét xử thấy rằng: Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh S và chị T đã căng thẳng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ tháng 01/2017 đến nay không ai quan tâm tới ai nữa, không còn khả năng đoàn tụ.

Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù chị T không nhất trí ly hôn vì cho rằng không có mâu thuẫn gì nhưng anh S vẫn cương quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn nên cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình xử cho anh S và chị T được ly hôn nhau là phù hợp.

[2] Về con chung: Anh S và chị T có 02 con chung, con lớn Nguyễn Thị Huyền Tr - Sinh ngày 23/3/2003, con nhỏ là Nguyễn Nhật A, sinh ngày 04/02/2009. Anh S có nguyện vọng được nuôi con nhỏ là Nguyễn Nhật A, để chị T nuôi dưỡng chăm sóc con lớn là Nguyễn Thị Huyền Tr, anh không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị T có nguyện vọng được nuôi cả hai con và đề nghị anh S phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung là 2.000.000 đồng/01 tháng/ 01 con. Cả hai con chung của anh S, chị T là cháu Huyền Tr và Nhật A đều có nguyện vọng được sống với cả bố và mẹ.

Xét thấy, anh S và chị T đều có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, về điều kiện kinh tế thì anh S và chị T đều là cán bộ nhà nước, có công việc và thu nhập ổn định, hai con đều có nguyện vọng được sống với cả bố và mẹ. Anh S là sỹ quan quân đội nên ít có thời gian về chăm sóc con hơn chị T, chị T là giáo viên nên có nhiều thời gian chăm sóc con cái hơn. Mặt khác, hiện nay hai con của anh S, chị T đang ổn định học tập. Tại phiên tòa chị T kiên quyết xin nuôi cả hai con chung và yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung, anh S cũng đồng ý với yêu cầu trên của chị T. Do vậy, cần áp dụng Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân gia đình giao cho chị Ngô Thị Hương T chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung là Nguyễn Thị Huyền Tr và Nguyễn Nhật A là phù hợp.

[3] Về mức cấp dưỡng nuôi con; Anh S có thu nhập ổn định hàng tháng là 12.000.000 đồng. Các con của anh S, chị T đang ở độ tuổi ăn học nên chi phí cũng lớn. Do vậy, mức cấp dưỡng nuôi 02 con chung như đề nghị của chị T là 2.000.000 đồng/01 tháng/01 con là phù hợp so với thu nhập của anh S nên cần được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung: Anh S và chị T đều xác nhận vợ chồng có tài sản chung, không liên quan vay nợ ai, nhưng tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản, công nợ. Do vậy không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Anh Nguyễn Trường S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

* Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Luật hôn nhân và gia đình, Điều 28, Điều 35, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Trường S và chị Ngô Thị Hương T được ly hôn.

Về con chung: Giao cho chị Ngô Thị Hương T chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung là cháu Nguyễn Thị Huyền Tr, sinh ngày 23/3/2003 và cháu Nguyễn Nhật A, sinh ngày 04/02/2009. Anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T với mức cấp dưỡng là 2.000.000 đ/01 con/01 tháng kể từ tháng 9/2017. Sau khi ly hôn anh S được quyền đi lại thăm nuôi con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung và công nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Án phí: Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. điều 6, điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Anh Nguyễn Trường S phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Xác nhận anh S đã nộp 300.000 tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số: **AA/2015/0000963** ngày 11/7/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn. Khoản tiền này chuyển thành án phí. Anh S còn phải nộp tiếp 300.000 đồng.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- THADS huyện Lục Ngạn;
- UBND thị trấn C huyện LN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Việt Hùng